

TÊN MÔN: ANH NGỮ 3
MÃ MÔN: ENG 2201

Tín chỉ: 2
Học kì: PHỤ
Lần thi: 1

Ngày thi: 03/02/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1 1								
1	1713119812	Phan Văn Trung	N17TPM	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
2	1812719073	Lê Thị Diệu Hiền	N18DLK3	5	5	5			5.0	5.0	5.0	Năm	
3	1813719090	Đoàn Văn Hoàng	N18DLK3	7	7	7			7.0	7.0	7.0	Bảy	
4	1813719217	Phạm Ngọc Sơn	N18DLK3	7	7	7			7.0	7.0	7.0	Bảy	
5	1813719218	Võ Chí Tâm	N18DLK3	7	5	5			5.0	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
6	1813719266	Mai Đình Toàn	N18DLK3	7	6	8			7.0	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
7	1813719307	Huỳnh Văn Vĩ	N18DLK3	5	5	5			5.0	6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
8	1813719052	Trần Văn Định	N18DLK6	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
9	1813719066	Hồ Việt Hà	N18DLK6	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
10	1812219583	Trần Thị Thanh Tâm	N18KDN1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
11	1813219515	Ngô Lê Ngọc Hoàng	N18KDN2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
12	1813119335	Nguyễn Mạnh Cường	N18TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
13	1813119406	Trần Xuân Ngọc	N18TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
14	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N19DLK3	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
15	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn Lâm	N19DLK3	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
16	1813719186	Lê Hồng Phúc	N19DLK3	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
17	1813719295	Trần Mai Phước Tùng	N18DLK3	5	5	6			5.5	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	7	41%	
2	Số sinh viên nợ	10	59%	
TỔNG CỘNG :		17	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân